

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo số 45/2003/
QĐ-BGDĐT ngày 26/9/2003 về
việc ban hành Đề cương môn
học Chủ nghĩa xã hội khoa học
trình độ cao đẳng.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP
ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang
Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP
ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và
Đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-TTg
ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt đề án: “Một số biện pháp
nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng
dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác -
Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các
trường đại học, cao đẳng; môn Chính trị
trong các trường Trung học chuyên
nghệ và dạy nghề”;*

*Căn cứ vào Công văn số 3542/CV-TTVH
ngày 05/9/2003 của Ban Tư tưởng -*

*Văn hóa Trung ương và ý kiến của Ban
Khoa giáo Trung ương ngày 08/9/2003
về việc thẩm định Đề cương môn học Chủ
nghĩa xã hội khoa học trình độ cao đẳng;*

*Theo đề nghị của các Vụ trưởng Vụ
Công tác học sinh, sinh viên, Vụ trưởng
Vụ Đại học và Sau Đại học,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này Đề cương môn học Chủ nghĩa
xã hội khoa học trình độ cao đẳng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo,
được áp dụng từ năm học 2003 - 2004.
Các quy định trước đây trái với Quyết
định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng, Vụ
trưởng Vụ Công tác học sinh, sinh viên;
Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau Đại học,
Hiệu trưởng các trường cao đẳng chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo
Thủ trưởng

TRẦN VĂN NHUNG

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI KHOA HỌC (TRÌNH
ĐỘ CAO ĐẲNG)**

(ban hành kèm theo Quyết định số 45/2003/QĐ-BGDĐT ngày, 26/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Số đơn vị học trình: 3 (45 tiết).

3. Trình độ: cho sinh viên năm thứ 2 trình độ cao đẳng.

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 33 tiết.

- Xêmina: 12 tiết.

5. Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên học qua các học phần: Triết học Mác - Lênin và Kinh tế Chính trị Mác - Lênin.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Gồm 10 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối, chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, lý giải và có thái độ đúng với thực tiễn xã hội, nâng cao lòng tin vững chắc vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con

đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Phải đọc và nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị các ý kiến, đề xuất khi nghe giảng. Chuẩn bị xêmina và đọc, sưu tầm các tư liệu có liên quan, đến bài giảng.

8. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn.

- Tài liệu tham khảo: Giáo trình quốc gia môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, các Văn kiện Đại hội Đảng do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản.

9. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Theo quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 04/1999/QĐ-BGDĐT ngày 11/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thang điểm: 10

11. Mục tiêu của học phần:

Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

12. Nội dung chi tiết học phần

12.1. Bố trí thời gian:

Thứ tự chương	Tên chương	Số tiết của chương	Lý thuyết	Xêmina
I	Vị trí, đối tượng, phương pháp, nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội khoa học	4	3	4
II	Xã hội xã hội chủ nghĩa	5	4	
III	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	5	3	
IV	Thời đại hiện nay	5	4	
V	Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	5	3	4
VI	Liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	
VII	Vấn đề dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	4	3	
VIII	Vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	4	3	4
IX	Vấn đề gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	4	3	
X	Vấn đề nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội	5	4	
Tổng cộng:		45	33	12

12.2. Nội dung

Chương I

VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ Ý NGHĨA CỦA MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

I. Vị trí của môn chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Quan niệm chung về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học

- Chủ nghĩa xã hội với tư cách một chế độ xã hội, một giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử xã hội loài người;

- Chủ nghĩa xã hội khoa học với tư cách là học thuyết tư tưởng - lý luận.

2. Vị trí của môn chủ nghĩa xã hội khoa học

- Trong lịch sử các tư tưởng của nhân loại;

- Trong lịch sử các tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại;

- Trong học thuyết Mác - Lênin (chủ

nghĩa Mác - Lênin): là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin (gồm Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học).

II. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu của môn chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Phạm vi và đối tượng khảo sát của môn chủ nghĩa xã hội khoa học.

2. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Những quy luật và những vấn đề có tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề có tính nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những hình thức, phương pháp của Đảng của giai cấp công nhân trong quá trình lãnh đạo thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

3. Mối quan hệ giữa 3 bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

III. Hệ phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Cơ sở lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng;

- Học thuyết hình thái kinh tế - xã

hội, quan niệm giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Phương pháp nghiên cứu đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học.

3. Các phương pháp liên ngành được sử dụng trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học.

IV. Chức năng, nhiệm vụ và ý nghĩa của môn chủ nghĩa xã hội khoa học

1. Chức năng và nhiệm vụ

- Trang bị tri thức khoa học, tri thức lý luận, phương pháp luận khoa học;

- Giáo dục lập trường tư tưởng chính trị về chủ nghĩa xã hội cho giai cấp công nhân, Đảng Cộng sản và nhân dân lao động (ở những mức độ, yêu cầu và hình thức cụ thể, phù hợp);

- Định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2. Ý nghĩa của việc học tập chủ nghĩa xã hội khoa học

- Nâng cao nhận thức khoa học về chủ nghĩa xã hội;

- Xây dựng và củng cố niềm tin, lý tưởng cộng sản chủ nghĩa;

- Vận dụng vào hoạt động thực tiễn: học tập, rèn luyện, lao động sản xuất, sinh hoạt xã hội;

- Cảnh giác và đấu tranh với những biểu hiện sai lệch và thù địch với chủ nghĩa xã hội và phản lại lợi ích của nhân dân và dân tộc.

Chương II

XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

1. Khái niệm “hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa”

- Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội;
- Các nhân tố và điều kiện dẫn đến sự phủ định hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác;
- Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa các điều kiện cơ bản cho sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa - xã hội xã hội chủ nghĩa (hay còn gọi là chủ nghĩa xã hội);
- Giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa - xã hội cộng sản chủ nghĩa (hay còn gọi là chủ nghĩa cộng sản).

II. Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa

1. Cơ sở vật chất - kỹ thuật là nền sản

xuất công nghiệp với trình độ công nghệ hiện đại.

2. Về chế độ sở hữu: Không còn chế độ chiếm hữu tư nhân đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội.

3. Các hình thức, phương pháp tổ chức và kỷ luật lao động mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao.

4. Thực hiện nguyên tắc “phân phối theo lao động” làm cơ sở cho mọi quan hệ phân phối của toàn xã hội.

5. Nhà nước xã hội chủ nghĩa “của dân, do dân, vì dân” và hệ thống chính trị mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

6. Con người được giải phóng khỏi chế độ tư hữu, áp bức, bóc lột; bình đẳng trước pháp luật và có những điều kiện phát triển toàn diện.

III. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Các kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

IV. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: là “thời kỳ quá độ đặc biệt của đặc biệt” (theo

V.I.Lênin khi phân tích về tính chất của những nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội).

2. Những đặc điểm và nội dung cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

V. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng ở Việt Nam

1. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Tư tưởng cách mạng không ngừng của Mác;

- Lý luận về sự chuyển biến cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa của Lênin.

2. Sự chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Tính tất yếu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam;

- Tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chương III

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

I. Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Giai cấp công nhân

- Về phương thức lao động, phương thức sản xuất;

- Về vị trí trong quan hệ sản xuất.

Dựa vào hai tiêu chí trên để làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại, làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay ở cả nước tư bản chủ nghĩa cũng như nước xã hội chủ nghĩa do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cầm quyền.

2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Sứ mệnh hay vai trò lịch sử của một giai cấp;

- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

II. Nội dung và điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Nội dung chung;

- Nội dung ở nước ta.

2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Nền sản xuất công nghiệp với trình độ công nghệ hiện đại, rèn luyện, đoàn kết và tổ chức lại thành một tổ chức xã hội hùng mạnh;

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan đó

còn tạo ra khả năng đoàn kết các giai cấp khác, khả năng đi đầu trong cuộc đấu tranh.

III. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

1. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển Đảng của giai cấp công nhân.

2. Mối quan hệ giữa Đảng với giai cấp công nhân.

IV. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam

1. Đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

Chương IV

THỜI ĐẠI HIỆN NAY

I. Khái niệm về thời đại và thời đại hiện nay

1. Quan niệm về thời đại và cơ sở phân chia thời đại lịch sử

- Quan niệm về thời đại;
- Cơ sở phân chia thời đại lịch sử.

2. Về thời đại hiện nay và những giai đoạn chính của nó

- Quan niệm về thời đại hiện nay;

- Những giai đoạn chính của thời đại hiện nay.

II. Tính chất và những mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay

1. Tính chất của thời đại hiện nay

- Cuộc đấu tranh gay go quyết liệt của cái cũ và cái mới, giữa những lực lượng phản cách mạng và cách mạng;

- Tính chất khó khăn phức tạp của quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại hiện nay

- Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản;

- Mâu thuẫn giữa tư bản và lao động;

- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc;

- Mâu thuẫn giữa các nước và các thế lực tư bản chủ nghĩa.

III. Đặc điểm cơ bản và xu thế vận động chủ đạo của thời đại hiện nay

1. Những đặc điểm của thời đại hiện nay

- Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp gay gắt;

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra như vũ bão, tạo ra nhiều thay đổi trong các lĩnh vực;

- Sự xuất hiện của hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi;

- Những vấn đề toàn cầu đòi hỏi một sự hợp tác cùng giải quyết của các nước.

2. Những xu thế của thời đại hiện nay
- Hòa bình, ổn định hợp tác để cùng phát triển;
 - Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực;
 - Các dân tộc ngày càng nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự cường, đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài;
 - Các nước xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản, phong trào công nhân thế giới giữ vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ.

Chương V

NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm dân chủ
- Khái lược về sự phát triển dân chủ trong lịch sử nhân loại;
 - Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ.
2. Bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa
- Bản chất chính trị;
 - Bản chất kinh tế;
 - Bản chất tư tưởng - văn hóa;

- Tính ưu việt của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với dân chủ tư bản chủ nghĩa.

3. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

- Khái niệm hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa;
- Cấu trúc của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

II. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

1. Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa
2. Bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa
- Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa;
 - Chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa;
 - Các nhiệm vụ chủ yếu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

III. Cải cách nhà nước trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

1. Cải cách nhà nước - một nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay
- Nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay;
 - Vị trí của nội dung cải cách nhà nước trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị.
2. Cải cách nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

- Phương hướng cơ bản;
- Nội dung cải cách.

Chương VI

LIÊN MINH GIỮA CÔNG NHÂN VỚI NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

1. Quan niệm về cơ cấu xã hội - giai cấp

- Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp;
- Vị trí của cơ cấu xã hội giai cấp trong hệ thống cơ cấu xã hội.

2. Xu hướng biến đổi cơ cấu giai cấp trong thời kỳ quá độ

- Xu hướng chủ yếu
- + Sự xích lại gần nhau giữa các giai tầng trong quan hệ với tư liệu sản xuất;
- + Sự xích lại gần nhau về tính chất lao động;
- + Sự xích lại gần nhau trong quan hệ phân phối tiêu dùng;
- + Sự xích lại gần nhau trong đời sống tinh thần.
- Những vấn đề có tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp
- + Cơ cấu xã hội giai cấp được quy định bởi cơ cấu kinh tế;

+ Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp là quá trình liên tục, biện chứng.

3. Tính tất yếu của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Chủ nghĩa Mác - Lênin về tính tất yếu của liên minh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội

- + Quan điểm của C.Mác, Ph. Ăngghen;
- + Quan điểm của V.I.Lênin;
- + Tính tất yếu của liên minh trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

+ Tính tất yếu của liên minh do sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định;

+ Quan điểm đường lối của Đảng ta.

II. Nội dung cơ bản của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1. Đặc điểm của giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam

- Đặc điểm của giai cấp nông dân Việt Nam;
- Đặc điểm của tầng lớp trí thức Việt Nam.

2. Nội dung cơ bản của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Nội dung chính trị của liên minh

+ Xuất phát từ mục tiêu chủ nghĩa xã hội;

+ Nguyên tắc về chính trị là do Đảng Cộng sản lãnh đạo;

+ Liên minh gắn liền với sự đổi mới hệ thống chính trị.

- Nội dung kinh tế của liên minh

+ Nội dung kinh tế là nội dung cơ bản, quyết định nhất;

+ Nội dung kinh tế của liên minh trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

- Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh

+ Xuất phát từ mục tiêu xã hội trong thời kỳ quá độ;

+ Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam.

Chương VII

VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Dân tộc và hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc

1. Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của dân tộc

- Khái niệm;

- Những đặc trưng cơ bản của dân tộc.

2. Hai xu hướng của phong trào dân tộc và biểu hiện của hai xu hướng khách quan đó trong thời đại ngày nay

- Hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc;

- Biểu hiện của hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại hiện nay.

II. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

2. Các dân tộc được quyền tự quyết.

3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

III. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

1. Đặc trưng cơ bản của dân tộc Việt Nam:

- Khái quát quá trình hình thành và phát triển dân tộc Việt Nam;

- Đặc trưng cơ bản của dân tộc Việt Nam.

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

- Căn cứ lý luận và thực tiễn của xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta:

+ Căn cứ lý luận;

+ Căn cứ thực tiễn.

- Những chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta.

+ Có chính sách phát triển hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với

điều kiện và đặc điểm từng vùng của từng dân tộc;

+ Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc;

+ Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, cấm mọi hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc;

+ Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Chương VIII

VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

1. Bản chất và nguồn gốc của tôn giáo:

- Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của tôn giáo

+ Khái niệm tôn giáo;

+ Những đặc trưng cơ bản của tôn giáo.

- Nguồn gốc tôn giáo

+ Nguồn gốc kinh tế - xã hội của tôn giáo;

+ Nguồn gốc nhận thức của tôn giáo;

+ Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo.

2. Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử của tôn giáo;

- Tính quần chúng của tôn giáo;

- Tính chính trị của tôn giáo.

II. Vấn đề tôn giáo trong xã hội - xã hội chủ nghĩa

1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa

- Nguyên nhân nhận thức: Trình độ nhận thức khoa học của một số người chưa cao; nhiều hiện tượng tự nhiên và xã hội đến nay khoa học chưa giải thích được;

- Nguyên nhân tâm lý: Tôn giáo đã tồn tại lâu đời trong lịch sử loài người, ăn sâu vào trong tiềm thức của nhiều người;

- Nguyên nhân chính trị - xã hội: Trong các nguyên tắc tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với đường lối chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa; các thế lực chính trị lợi dụng tôn giáo phục vụ cho mưu đồ chính trị của mình;

- Nguyên nhân kinh tế: Trong chủ nghĩa xã hội vẫn tồn tại sở hữu riêng, cơ chế kinh tế thị trường, đời sống kinh tế chưa cao nên tôn giáo vẫn là một giải pháp đối với nhiều người;

- Nguyên nhân về văn hóa: Đa số các tôn giáo gắn với sinh hoạt văn hóa của nhân dân, do đó việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đòi hỏi phải bảo tồn các giá trị tôn giáo ở mức độ nhất định.

2. Những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo dưới chủ nghĩa xã hội

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới;

- Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân;

- Thực hiện đoàn kết những người theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Phân biệt rõ mối quan hệ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo;

- Phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo.

III. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

1. Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam.

2. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Xuất phát từ những quan điểm chỉ đạo trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo dưới chủ nghĩa xã hội và tình hình tôn giáo ở nước ta, Đảng và Nhà nước ta đề ra chính sách tôn giáo như sau:

+ Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân trên cơ sở luật pháp;

+ Tích cực vận động đồng bào các tôn giáo tăng cường đoàn kết toàn dân, tích cực góp phần vào công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đồng bào theo các tôn giáo;

+ Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, ủng hộ xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo, làm cho các giáo hội gắn bó với dân tộc thể hiện rõ vai trò trách nhiệm đối với đất nước.

- Luôn luôn cảnh giác, chống lại những âm mưu và hành động lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân.

- Những quan hệ quốc tế đối ngoại về tôn giáo hoặc có liên quan đến tôn giáo phải theo chế độ chính sách chung về quan hệ quốc tế đối ngoại của Nhà nước.

- Thực hiện chính sách tôn giáo bao gồm nhiều mặt, vừa có mặt đối nội, vừa có mặt đối ngoại, song cần phải có nhận thức toàn diện về vấn đề tôn giáo theo tinh thần đổi mới của Đảng.

Chương IX

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Gia đình, mối quan hệ gia đình và xã hội

1. Khái niệm gia đình

Định nghĩa “gia đình”.

+ Gia đình với tư cách một thiết chế xã hội;

+ Gia đình là một giá trị văn hóa xã hội.

- Đặc trưng và các mối quan hệ cơ bản của gia đình.

+ Hôn nhân và quan hệ hôn nhân;

+ Huyết thống, quan hệ huyết thống;

+ Quan hệ quần tụ trong cùng một không gian sinh tồn;

+ Quan hệ nuôi dưỡng.

2. Quan hệ giữa gia đình và xã hội

- Sự phát triển của xã hội quy định hình thái, quy mô và kết cấu gia đình.

- Các chức năng cơ bản của gia đình:

+ Chức năng tái sản xuất ra con người;

+ Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình;

+ Chức năng giáo dục và tự giáo dục;

+ Chức năng thỏa mãn các nhu cầu tâm - sinh lý, tình cảm.

II. Những điều kiện và tiên đề xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội**1. Điều kiện và tiên đề kinh tế - xã hội**

- Các điều kiện và tiên đề kinh tế;

- Các giá trị văn hóa của gia đình truyền thống Việt Nam.

2. Chế độ hôn nhân - cơ sở trực tiếp của xây dựng gia đình trong xã hội xã hội chủ nghĩa

- Kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống trong quan hệ tình yêu, hôn nhân của mỗi dân tộc;

- Hôn nhân một vợ một chồng, được sự thừa nhận và bảo vệ của pháp luật - cơ sở trực tiếp của xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay;

- Quan hệ bình đẳng, tình thương - trách nhiệm giữa các thành viên trong gia đình là cơ sở của tồn tại và phát triển gia đình.

3. Những định hướng cơ bản và một số vấn đề đặt ra đối với xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay

- Kế thừa, giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống Việt Nam;

- Hoàn thiện Luật Hôn nhân gia đình, cơ sở pháp lý của xây dựng gia đình đi đôi với giáo dục các giá trị gia đình truyền thống Việt Nam;

- Phát huy vai trò gia đình gắn liền với phát triển kinh tế, cải thiện nâng cao đời sống mọi mặt cho gia đình;

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống các chính sách xã hội, nhất là các chính sách liên quan trực tiếp đến xây dựng gia đình mới ở Việt Nam.

09636437

Chương X

VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI
TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. Nguồn lực con người và vai trò của nó trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

1. Con người và nguồn lực con người

- Quan niệm về con người và con người xã hội chủ nghĩa:

+ Con người, quan hệ con người và xã hội;

+ Con người xã hội chủ nghĩa.

- Nguồn lực con người.

+ Quan niệm chung về nguồn lực con người;

+ Chủ nghĩa xã hội khoa học và quan niệm về nguồn lực con người.

2. Vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực kinh tế;

- Vai trò của nguồn lực con người trong hoạt động chính trị;

- Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực khoa học, trong lĩnh vực đời sống tinh thần.

II. Phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam

1. Thực trạng việc phát huy nguồn lực

con người ở Việt Nam. Nguyên nhân của những thành công và hạn chế

- Thực trạng phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay;

- Nguyên nhân của những thành công và hạn chế.

2. Những phương hướng và giải pháp phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Những phương hướng:

+ Tăng trưởng kinh tế gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn lực con người;

+ Từng bước xây dựng con người một cách toàn diện, hướng tới từng bước hiện thực hóa các tiêu chí của con người xã hội chủ nghĩa.

- Những giải pháp:

+ Các giải pháp trên lĩnh vực phát triển kinh tế;

+ Các giải pháp trên lĩnh vực chính trị;

+ Các giải pháp trên lĩnh vực văn hóa xã hội, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học được bố trí giảng dạy, học tập tiếp sau môn Triết học Mác - Lênin và Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Do đó khi giảng dạy, học tập cần tập trung vào đối tượng

của môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học, tránh sự trùng lặp nội dung với hai môn trên. Cần thường xuyên liên hệ thực tiễn để làm rõ cơ sở khoa học và vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong Cương lĩnh xây dựng đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Cần có đủ giáo trình cho sinh viên. Giảng viên chỉ tập trung làm rõ những nội dung cơ bản, gợi ý cho sinh viên học tập. Ngoài giáo trình cần cung cấp cho sinh viên những tài liệu tham khảo như: Tài liệu hướng dẫn học tập về văn kiện của Đảng, các tổng kết thực tiễn trong từng thời kỳ.

- Phát huy phương pháp đối thoại, gợi mở, tự do tư tưởng, nắm bắt được những thắc mắc của sinh viên để giải đáp kịp thời, gây hứng thú cho họ trong học tập. Việc tổ chức kiểm tra, thi học phần, đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định hiện hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo
Thứ trưởng

TRẦN VĂN NHUNG

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ năm học 2003 - 2004, thay thế Quyết định số 3606/GD-ĐT ngày

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo số 46/2003/
QĐ-BGDĐT ngày 29/9/2003 về
việc ban hành Chương trình
Giáo dục bổ túc tiểu học.**